

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

độc lập - Tự do - Hạnh phúc



I U L

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TR

Quảng Tr, s a i tháng 04 năm 2023

M U L C

CHƯƠNG I. NHỮNG Á CÁCH THU T NG TRONG I U L	5
i u 1. Gi i thích thu t ng	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N, TH I H N HO T NG VÀ NG I I DI N THEO PHÁP LU T C A CÔNG TY..6	
i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng	6
i u 3. Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty.....	6
CHƯƠNG III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY7	
i u 4. M c tiêu ho t ng c a Công ty	7
i u 5. Ph m vi kinh doanh và ho t ng c a Công ty.....	7
CHƯƠNG IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P.....7	
i u 6. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p.....	7
i u 7. Ch ng nh n c phi u.....	8
i u 8. Ch ng ch ch ng khoán khác.....	9
i u 9. Chuy n nh ng c ph n.....	10
i u 10. Thu h i c ph n(i v i tr ng h p khi ng ký thành l p doanh nghi p)	11
CHƯƠNG V. C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT.....11	
i u 11. C c ut ch c, qu n tr	11
CHƯƠNG VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG.....11	
i u 12. Quy n c a c ông	11
i u 13. Ngh a v c a c ông	13
i u 14. i h i ng c ông.....	13
i u 15. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông	14
i u 16. y quy n tham d h p i h i ng c ông	15
i u 17. Thay i các quy n.....	16
i u 18. Tri u t ph p, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông.....	17
i u 19. Các i u ki n t n hành h p i h i ng c ông.....	18
i u 20. Th th c t n hành h p và bi u quy t t i c u ch p i h i ng c ông.....	18
i u 21. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.....	20
i u 22. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.....	20
i u 23. Ngh quy t, Biên b nh p i h i ng c ông	22
i u 24. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông.....	22
CHƯƠNG VII. H I NG QU N TR	23
i u 25. ng c , c thành viên H i ng qu n tr	23
i u 26. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr	24
i u 27. Quy nh n và ngh a v c a H i ng qu n tr	24
i u 28. Thù lao, th ng và l i ích khác c a thành viên H i ng qu n tr	26

i u 29. Ch t ch H i ng qu n tr	26
i u 30. Cu c h p c a H i ng qu n tr	27
i u 31. Các ti u ban thu c H i ng qu n tr	29
i u 32. Ng i ph trách qu n tr công ty.....	29
CH NG VIII. T NG GIÁM C VÀ NG I I U HÀNH KHÁC.....	30
i u 33. T ch c b máy qu n lý.....	30
i u 34. Ng i i u hành doanh nghi p	30
i u 35. B nh i m, mi n nh i m, nh i m v và quy n h n c a T ng giám c	31
CH NG IX. BAN KI M SOÁT.....	31
i u 36. ng c , c Ki m soát viên.....	31
i u 37. Thành ph n Ban ki m soát.....	32
i u 38. Quy n và ngh a v Ban ki m soát.....	32
CH NG X. TRÁCH NH I M C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , T NG GIÁM C VÀ NG I I U HÀNH KHÁC.....	33
i u 39. Trách nh i m c n tr ng	33
i u 40. Trách nh i m trung th c và tránh các xung t v quy n l i.....	33
i u 41. Trách nh i m v thi t h i và b i th ng.....	34
CH NG XI. QUY N I U TR A SÁCH VÀ H S CÔNG TY.....	35
i u 42. Quy n i u tra s sách và h s	35
CH NG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN.....	35
i u 43. Công nhân viên và các oàn th chính tr xã h i.....	35
CH NG XIII. PHÂN PH I L I NHU N.....	36
i u 44. Phân ph i l i nhu n.....	36
CH NG XIV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ CH K TOÁN.....	36
i u 45. Tài kho n ngân hàng.....	36
i u 46. Các Qu c trích l p	36
i u 47. N m tài chính	36
i u 48. Ch k toán.....	37
CH NG XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NH I M CÔNG B THÔNG TIN	37
i u 49. Báo cáo tài chính n m, bán niên và quý	37
i u 50: Báo cáo th ng niên.....	37
CH NG XVI. KI M TOÁN CÔNG TY.....	37
i u 51. Ki m toán.....	37
CH NG XVII. D U C A DOANH NGHI P.....	38
i u 52. D u c a doanh nghi p.....	38
CH NG XVIII. GI I TH CÔNG TY.....	38

điều 53. Giấy tờ Công ty.....	38
điều 54. Gia hạn hoạt động.....	38
điều 55. Thanh lý	38
CHƯƠNG XIX. GIỚI QUY ĐỊNH TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
điều 56. Giới quy định tranh chấp nội bộ	39
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU	39
điều 57. Điều chỉnh công ty	39
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	39
điều 58. Ngày hiệu lực	39

PHẦN MƯỜI

Điều lệ này là của Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị ("**Công ty**") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, mọi hoạt động của Công ty phải tuân thủ và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ, các Nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các quy định khác do Công ty ban hành σύμφωνα với quy định của pháp luật về kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 01/NQ/HĐQT-MH ngày 12 tháng 09 năm 2020 (sau đây gọi là "**Điều lệ**") và thay thế cho các bản Điều lệ của Công ty trước đó, sửa đổi bổ sung lần 4 ngày 24/04/2023.

CHƯƠNG I. NHỮNG ÁNH THUẬT TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:
 - a) "**Công ty**" có quy định trong Điều lệ này là CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ, tên Công ty bằng tiếng Anh: QUANG TRI MINH HUNG JOINT STOCK COMPANY vì thế là Công ty Minh Hưng/Minh Hưng Quảng Trị
 - b) "**Công ty con**" là doanh nghiệp thuộc mọi hình thức trong các trường hợp sau: (1) Công ty sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc nắm giữ phần trăm thông qua phát hành của doanh nghiệp đó; (2) Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua quyền trực tiếp, gián tiếp bằng cách nắm giữ hoặc nắm giữ thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc quyền quy định của pháp luật, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó; hoặc (iii) các quy định khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - c) "**Công nhân**" có nghĩa là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một phần cổ phần của Công ty.
 - d) "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị danh nghĩa của các phần vốn đã bán hoặc đã ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - e) "**Luật doanh nghiệp**" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
 - f) "**Luật kế toán**" là Luật Kế toán số 54/2019/QH14 của Quốc hội của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;
 - g) "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - h) "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - i) "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức có quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật kế toán;
 - j) "**Công nhân**" là công nhân có quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật kế toán;
 - k) "**Thị trường**" là thị trường hoạt động của Công ty có quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thị trường giao nhận (nếu có) của Hội đồng quản trị của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - l) "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th .

3. Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s đ ng nh m thu n t i n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này.

4. B t k t ng ho c thu t ng nào ã c quy nh t i Lu t doanh nghi p (n u không có mâu thu n v i ch ho c ng c nh) s có ngh a t ng t trong i u l này.

CH NG II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N, TH I H N HO T NG VÀ NG I I DI N THEO PHÁP LU T C A CÔNG TY **i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng**

1. Tên Công ty

- Tên Công ty vi t b ng ti ng Vi t: **CÔNG TY C PH N MINH H NG QU NG TR**

- Tên Công ty vi t b ng ti ng Anh: **QUANG TRI MINH HUNG JOINT STOCK COMPANY**

- Tên Công ty vi t t t: **Minh H ng Qu ng Tr**

2. Công ty là công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.

3. Tr s ng ký c a Công ty là:

- a ch tr s chính: Km8 – Qu c l 9 – Thành ph ông Hà – Qu ng Tr .

- i n tho i: 0233.591.988 - 0233.582.460

- Fax: 0233.584.809

-Email: autominhhung@gmail.com; website: minhhungqt.vn

4. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i di n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i quy t nh c a H i ng qu n tr và trong ph m vi lu t pháp cho phép.

5. Tr khi ch m đ t ho t ng tr c th i h n theo kho n l i u 53, th i h n ho t ng c a Công ty b t u t ngày thành l p và là vô th i h n.

i u 3. Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty

1. Ch t ch H i ng qu n tr là ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty

2. Ng i i di n theo pháp lu t có quy n i di n cho Công ty th c hi n các quy n và ngh a v phát sinh t các giao d ch c a Công ty, i di n cho Công ty v i t cách nguyên n, b n, ng i có quy n l i, ngh a v liên quan tr c Tr ng tài, Tóa án và các quy n, ngh a c theo quy nh c a Pháp lu t.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, ngh kinh doanh của Công ty:

Ngành ngh	MN		MN
Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác đá DOLOMITE	0722	Gia công cụ khí; x lý và tráng ph kim loại. Chi tiết: Gia công cụ khí	2592
Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394 (Chính)	Xây dựng công trình thủy	4291
Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ vật liệu xây dựng: gạch xây, ngói, vôi, đá, cát, sỏi, sét.	4663	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa c phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất ph gia cho xi măng	2029
Khai thác đá, cát, sỏi, sét	0810	Xây dựng công trình chắn biển, chắn ô	4293
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	Xây dựng công trình cống, thoát nước	4222
Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	Xây dựng công trình kết cấu dân dụng khác	4299
Xây dựng công trình khai khoáng	4292	Phá dỡ	4311
Cho thuê ô tô và xe có động cơ khác	4520	Lắp đặt thiết bị xây dựng khác	4329
Sản xuất vật liệu xây dựng bê tông Chi tiết: Sản xuất gạch xây, ngói.	2392	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô	7710
Bán buôn chuyên doanh khác chưa c phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu Clinker, thạch cao; Các sản phẩm phụ gia cho sản xuất xi măng	4669	Sản xuất sản phẩm thiết bị khai thác phi kim loại khác chưa c phân vào đầu Chi tiết: Chế biến khoáng sản, sản xuất bột đá DOLOMITE	2399
Xây dựng nhà	4101	Xây dựng nhà không	4102
Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511	Xây dựng công trình đường bộ	4212
Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng khu công nghiệp	4312		

2. **Triết lý và mục tiêu hoạt động của Công ty** là sản xuất, phát huy cao nhất nguồn lực hiện có, không ngừng phát triển, mở rộng nguồn vốn, cơ sở vật chất và các lĩnh vực theo chức năng, ngành nghề ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để tạo lợi nhuận cao nhất trên cơ sở nâng cao chất lượng quản lý, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, mở rộng nâng cao thu nhập và chất lượng sống cho người lao động, lợi ích của các cộng đồng, lợi ích Nhà nước, thể hiện ý nghĩa và vai trò của Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thể hiện các biện pháp thích hợp để thực hiện các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và có liên quan đến công thông qua.

CHƯƠNG IV. VẤN ĐỊNH, CẬP NẾP, CỘNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vấn đề lập, cập nhật, cộng sáng lập

1. Vốn i u l c a Công ty là 165.000.000.000 ng (M t tr m sáu m i l m t ng) c chia thành 16.500.000 c ph n v i m nh giá m i c ph n là 10.000 ng.
2. Công ty có th thay i v n i u l khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
3. Các c ph n c a Công ty vào ngày thông qua i u l này u là c ph n ph thông. Ng i s h u c ph n ph thông c g i là C ông ph thông. Các quy n và ngh a v c a c ông n m gi c ph n c quy nh t i i u 12, i u 13 i u l này.
4. Công ty có th phát hành các lo i c ph n u ãi khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ông và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
 - Ng i s h u c ph n u ãi g i là C ông u ãi. C ph n u ãi có th c chuy n i thành c ph n ph thông theo quy t nh c a i h i ng c ông.
 - Tr tr ng h p có th a thu n khác ho c theo quy t nh c a i h i ng c ông, c ông u ãi mu n chuy n i (m t ph n ho c các) c ph n u ãi thành c ph n ph thông ph i g i thông báo b ng v n b n n Công ty. Công ty s trình i h i ng c ông phê duy t v vì c chuy n i này.
 - Trong vòng 03 ngày làm vì c sau khi i h i ng c ông phê duy t vì c chuy n i, c ông u ãi s chuy n l i cho Công ty các gi y t ch ng nh n c phi u liên quan n c ph n u ãi. Sau khi nh n c ch ng nh n c phi u t c ông u ãi, Công ty s phát hành ch ng nh n c phi u m i cho s c ph n ph thông hình thành t vì c chuy n i và ghi nh n vào S ng ký c ông. Không ph thu c vào ngày mà C ông liên quan nh n c ch ng nh n c phi u i v i c ph n ph thông ó, quy n s h u i v i s c ph n ph thông c coi nh b t u k t ngày mà vì c chuy n i c ghi nh n t i S ng ký C ông.
 - C ph n ph thông c hình thành t vì c chuy n i t c ph n u ãi s c x p ngang b ng v i các c ph n ph thông c phát hành và mua tr c ó.
5. C ph n ph thông m i d ki n c phát hành ph i c u tiên chào bán cho các C ông hi n h u theo t l t ng ng v i t l s h u c ph n ph thông c a h trong Công ty, tr tr ng h p i h i ng c ông quy t nh khác. Công ty ph i thông báo vì c chào bán, trong ó nêu rõ s c ph n c chào bán và th i h n h p lý (không ít h n hai m i m t ngày), c ông t mua. S c ph n c ông không ng ký mua h t s do H i ng qu n tr c a Công ty quy t nh. H i ng qu n tr có th phân ph i s c ph n ó cho các i t ng theo các i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p, nh ng không c bán s c ph n ó theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông hi n h u tr tr ng h p c ph n c bán qua S giao d ch ch ng khoán ho c các tr ng h p khác theo Ngh quy t c a i h i ng c ông.
6. Công ty có th mua c ph n do chính Công ty ã phát hành theo nh ng cách th c c quy nh trong i u l này và pháp lu t hi n hành.
7. Công ty có th phát hành các lo i ch ng khoán khác khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i quy nh c a pháp lu t.

i u 7. Ch ng nh n c phi u

1. C ông c a Công ty c c p ch ng nh n c phi u (ho c s ch ng nh n s h u c ph n, ho c tên g i khác có ý ngh a t ng t) t ng ng v i s c ph n và lo i c ph n s h u.

2. C phi u là ch ng ch do công ty phát hành, bút toán ghi s ho c d li u i n t xác nh n quy n s h u m t ho c m t s c ph n c a công ty ó. C phi u ph i có y các n i dung theo quy nh t i kho n l i u 121 Lu t doanh nghi p. Riêng i v i c phi u c a c ph n u ãi (n u có) c a Công ty còn có các n i dung khác theo quy nh t i i u 116, i u 117 và i u 118 Lu t doanh nghi p.

3. Trong th i h n hai (02) tháng k t ngày n p y h s ngh chuy n quy n s h u c ph n theo quy nh c a Công ty ho c trong th i h n khác theo i u kho n phát hành quy nh k t ngày thanh toán y ti n mua c ph n theo nh quy nh t i ph ng án phát hành c phi u c a Công ty, ng i s h u s c ph n c c p ch ng nh n c phi u. Ng i s h u c ph n không ph i tr cho Công ty chi phí in ch ng nh n c phi u.

4. Tr ng h p ch ng nh n c phi u b m t, b h y ho i ho c b h h ng, ng i s h u c phi u ó có th ngh c c p ch ng nh n c phi u m i v i i u ki n ph i a ra b ng ch ng v i v i c s h u c ph n và thanh toán m i chi phí liên quan cho Công ty. Yêu c u c p ch ng nh n c phi u m i ph i bao g m các n i dung sau ãy:

- a) Thông tin v c phi u ã b m t, b h h ng ho c b hu ho i d i hình th c khác;
- b) Cam k t ch u trách nhi m v nh ng tranh ch p phát sinh t v i c c p l i c phi u m i.

5. Tr ng h p có b t k thay i nào v n i dung S ng ký c ông liên quan n b t k C ông nào, thì C ông ó ph i thông báo cho Công ty và/ho c Công ty ch ng khoán n i C ông l u ký C ông ty/Công ty ch ng khoán t i n hành v i c s a i thông tin C ông trong S ng ký c ông.

Công ty không ch u trách nhi m i v i tr ng h p Công ty không th liên l c và/ho c không th g i th , tài li u cho C ông do a ch c a C ông không có, không chính xác ho c không y cho m c ích liên l c ho c g i th . V i c không th liên l c ho c g i th , g i tài li u ó s không nh h ng n các th t c tri u t p h p i h i ng c ông, l y ý ki n C ông, g i tài li u cho C ông và hi u l c c a các Ngh quy t i h i ng c ông c thông qua.

6. Tr ng h p ch chuy n nh ng m t s c ph n trong các c ph n c quy nh trong 01 (m t) ch ng nh n c phi u thì Công ty s c p nh t s l ng c ph n chuy n nh ng, s l ng c ph n còn l i vào ch ng nh n c phi u ã c p cho C ông (tr ng h p ch ng nh n c phi u ã h t trang c p nh t thì Công ty thu h i ch ng nh n c phi u ã c p và c p m i n phí 01 (m t) ch ng nh n c phi u m i).

7. Trong khuôn kh các quy nh c a Pháp lu t và th tr ng ch ng khoán, Công ty có th phát hành c ph n ghi danh không theo hình th c ch ng nh n và cho phép các c ph n (b t k là c ph n có phát hành d i d ng này hay không) c chuy n nh ng mà không nh t thi t ph i có v n b n chuy n nh ng

i u 8. Ch ng ch ng khoán khác

Ch ng ch trái phi u ho c ch ng ch ng khoán khác (tr các th chào bán, các ch ng ch t m th i và các tài li u t ng t) c a Công ty c phát hành có ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t và d u c a Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các chuyển nhượng cổ phần khi Điều này và pháp luật có quy định khác. Công ty niêm yết, ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán sẽ chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần chỉ được thực hiện theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng phương thức chuyển nhượng phi công khai bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đi đến quy định của pháp luật. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sốหุ้น thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.
3. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty công bố Giấy chứng nhận ký doanh nghiệp, công ty sáng lập có quyền chuyển nhượng cổ phần của mình cho công ty sáng lập khác và chuyển nhượng cổ phần phi công khai của mình cho người không phải là công ty sáng lập nhưng sẽ phải chịu thuế thu nhập cá nhân của người nhận chuyển nhượng. Trường hợp này, công ty được chuyển nhượng cổ phần không có nghĩa vụ chuyển nhượng các cổ phần đó.
(Đã quá ba (03) năm kể từ ngày thành lập, tất cả các hạn chế về việc chuyển nhượng do các Công ty sáng lập nắm giữ cổ phần).
4. Người lao động của Công ty sẽ được chuyển nhượng theo các Chương trình phát hành cổ phần ưu đãi cho người lao động (ESOP) theo quy định của pháp luật và Điều này nhưng phải tuân thủ các hạn chế chuyển nhượng của công ty phát hành (nếu có). Trường hợp bị chuyển nhượng cổ phần này trước hạn thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận và Công ty ưu tiên mua lại theo giá trị thị trường thì mới được bán theo quy định của pháp luật phát hành cổ phần.
5. Trường hợp Công ty là cá nhân chủ sở hữu thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật ("Người thừa kế") của Công ty là Công ty của Công ty. Trong trường hợp Công ty bị chuyển nhượng và có yêu cầu của người liên quan, người thừa kế phải có mặt trong thời hạn chấp thuận của người liên quan, nhưng người thừa kế phải có mặt trong thời hạn chấp thuận của Công ty bị chuyển nhượng mà không có người thừa kế hoặc bị trừ quyền thừa kế thì sẽ phải chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật Dân sự. Khi đó, việc thực hiện quy định liên quan đến cổ phần của Công ty bị chuyển nhượng mà người liên quan không có phần quyền của Công ty Nhà nước có thể quy định về việc xác định người liên quan người có quyền đi đến cho cổ phần của Công ty bị chuyển nhượng người thừa kế thực sự của người nhận.
6. Công ty có quyền, cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình từ Công ty cho người khác; sẽ được chuyển nhượng. Trường hợp này, người chuyển nhượng cho người nhận chuyển nhượng phải là Công ty của Công ty.
7. Hội đồng Quản trị có quyền chỉ định ký chuyển nhượng về việc chuyển nhượng thanh toán và không thực hiện các quy định liên quan như quy định của pháp luật, quy định của pháp luật phát hành và quy định của pháp luật về chứng khoán, quy định mua cổ phần miễn chào bán và các quy định khác theo quy định của pháp luật.
8. Thủ tục ký chuyển nhượng của Hội đồng Quản trị quy định thì việc chuyển nhượng riêng hoặc trong phạm vi án phát hành thì được.

Điều 10. Thủ tục thanh toán (đối với trường hợp khi ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp công ty không thanh toán đầy đủ và ứng dụng tín dụng mua các phí, lệ phí, lệ phí đăng ký thông báo và có quy định yêu cầu công ty thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tín dụng và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số phần chia thanh toán hàng tháng thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quy định thu hồi các phần chia thanh toán đầy đủ và ứng dụng trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không thể thực hiện. Việc thu hồi sẽ bao gồm tất cả các cổ phiếu công bố về việc phần chia thu hồi mà thực tế chưa chi trả cho nhà đầu tư mới thu hồi.
4. Các phần chia thu hồi được coi là các phần chia quy định chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Công ty nộp các phần chia thu hồi phải bắt đầu cách công bố về việc ngừng phần chia, ngừng việc phân phối thanh toán [các khoản tín dụng có liên quan] và lãi phát sinh theo thời gian (không quá mức lãi suất ban đầu do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm đó) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quy định về việc công bố ngừng thanh toán toàn bộ giá trị các phí vào thời điểm thu hồi bao gồm những không ghi nhận các biện pháp khẩn cấp hoặc ngừng Công ty quan chức có thể tạm quy định ngừng thanh toán, hoặc có thể miễn, giảm một phần hay toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi cổ phiếu nên ghi rõ việc ngừng các phần chia thu hồi thực hiện thu hồi. Việc thu hồi về cổ phiếu có thể có sai sót hoặc bất cập trong việc ghi thông báo.

CHƯƠNG V. CẤU TRÚC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cấu trúc quản trị

Cấu trúc quản lý, quản trị của Công ty theo mô hình như sau:

1. Hội đồng công ty;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

CHƯƠNG VI. CÔNG VÀ HIGHLIGHTS CÔNG

Điều 12. Quy định về công

1. Công ty là người chủ sở hữu Công ty, có các quy định và nghĩa vụ theo số phần chia và lợi ích phần chia mà họ sở hữu. Công ty chịu trách nhiệm về nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Công ty phải thông báo có các quy định sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp hội đồng công ty và thực hiện quy định biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hội đồng công ty hoặc thông qua đại diện ủy quyền hoặc thực

e. Các quy n khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

ĐIỀU 13. NGHỊ ĐỊNH CÔNG

Công ph thông có các nghị định sau:

1. Tuân thủ điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quy định của Hội đồng, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Hội đồng và thực hiện quy định quy định thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức tuyển, bỏ phiếu internet hoặc hình thức internet khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết theo cuộc họp thông qua thư, fax, điện thoại và phương tiện khác.
3. Thanh toán tiền mua chứng khoán ký mua theo quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Công ty trong phạm vi vốn góp của Công ty.
4. Bỏ mật thông tin cung cấp theo quy định điều lệ, nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
5. Hoàn thành các nghị định khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty đi làm việc hình thức thực hiện nhiệm vụ trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác trái lợi ích công ty hoặc lợi ích cá nhân, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ của nhân viên các rủi ro tài chính liên quan đến Công ty.
7. Không rút vốn đã góp bằng chứng khoán thông qua Công ty đi làm việc hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại chứng khoán. Trường hợp có công rút vốn từ phần hoặc toàn bộ vốn chứng khoán góp trái với quy định thì công đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản trong phạm vi giá trị chứng khoán đã rút và các thiệt hại xảy ra.

ĐIỀU 14. HỘI ĐỒNG CÔNG

1. Hội đồng công là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Hội đồng công thành lập theo quyết định của Hội đồng quản trị (01) lần. Hội đồng công phải họp thành niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể gia hạn nếu không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thành niên, Hội đồng có thể họp bất thường và ai mời họp xác định là nội dung tham dự họp và phải trên lãnh đạo Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng công thành niên và lần đầu tiên phải họp. Hội đồng công thành niên quy định nội dung và theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty, công bố thông tin báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể mời tham dự Hội đồng để trình bày các nội dung liên quan đến báo cáo tài chính của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng công bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Hội đồng quản trị xét thấy là cần thiết theo yêu cầu của Kế toán trưởng và các văn bản báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kế toán trưởng phân tích và đánh giá đúng đắn và trung thực (1/2) số vốn;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên của Hội đồng quản trị, ít nhất là thành viên theo quy định của pháp luật hoặc thành viên Hội đồng quản trị bằng quá một phần ba (1/3) số vốn thành viên quy định của công ty này;
- d. Công đồng nhóm công quy định tại khoản 3 điều 12 của Điều lệ này yêu cầu từ một phần ba số thành viên của Hội đồng. Yêu cầu từ một phần ba số thành viên của Hội đồng phải có thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích của việc họp, có thể ký các công liên quan hoặc văn bản yêu cầu của thành viên và từ một phần ba số thành viên có liên quan;
- e. Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 170 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quy định của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thành viên Hội đồng quản trị, thành viên của Hội đồng quản trị hoặc quy định tại điều 3 của Điều lệ này hoặc nhân viên yêu cầu quy định tại điều 3 của Điều lệ này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng theo quy định tại điều 3 của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng theo quy định tại khoản 3 của Điều 140 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Hội đồng theo quy định tại điều 3 của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, công đồng, nhóm công đồng có yêu cầu quy định tại điều 3 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Hội đồng theo quy định tại khoản 4 của Điều 140 Luật doanh nghiệp;
- Trong trường hợp này, công đồng hoặc nhóm công đồng triệu tập họp Hội đồng có thẩm quyền ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Hội đồng. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng của Công ty hoàn toàn do công đồng chi trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công đồng chi tiêu khi tham gia họp Hội đồng, kể cả chi phí ăn và ở.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng

1. Hội đồng công đồng thành lập có quyền tham vấn và thông qua các văn bản sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kế toán trưởng;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phân phối lợi nhuận hàng năm;
 - d. Kế hoạch phát triển kinh doanh và dài hạn của Công ty;

- e. Các văn khác thu c th m quy n và theo quy nh c a Pháp lu t.
2. i h i ng c ông th ng niên và b t th ng thông qua quy t nh v các v n sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính n m;
 - b. M c c t c thanh toán hàng n m cho m i lo i c ph n phù h p v i Lu t doanh nghi p và các quy n g n li n v i lo i c ph n ó. M c c t c này không cao h n m c mà H i ng qu n tr ngh sau khi ã tham kh o ý ki n các c ông t i cu c h p i h i ng c ông;
 - c. S l ng thành viên H i ng qu n tr ;
 - d. L a ch n công ty ki m toán c l p;
 - e. B u, mi n nhi m, bãi nhi m và thay th thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát;
 - f. T ng s ti n thù lao c a các thành viên H i ng qu n tr và Báo cáo ti n thù lao c a H i ng qu n tr ;
 - g. B sung và s a i i u l công ty;
 - h. Lo i c ph n và s l ng c ph n m i c phát hành i v i m i lo i c ph n và vi c chuy n nh ng c ph n c a thành viên sáng l p trong vòng ba (03) n m u tiên k t ngày thành l p;
 - i. Chia, tách, h p nh t, sáp nh p ho c chuy n i Công ty;
 - j. T ch c l i và gi i th (thanh lý) Công ty và ch nh ng i thanh lý;
 - k. Ki m tra và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr gây thi t h i cho Công ty và c ông;
 - l. Quy t nh giao d ch u t /bán s tài s n có giá tr t 35% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công c ghi trong báo cáo tài chính k g n nh t ã c ki m toán;
 - m. Quy t nh mua l i trên 10% t ng s c ph n phát hành c a m i lo i ;
 - n. Công ty ký k t h p ng, giao d ch v i nh ng i t ng c quy nh t i kho n 1 i u 167 Lu t doanh nghi p v i giá tr b ng ho c l n h n h n 35% t ng giá tr tài s n c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t;
 - o. Các v n khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.
 - p. Ch p thu n các giao d ch theo quy nh t i Kho n 4 i u 293 Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31/12/2020 quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t ch ng khoán;
3. C ông không c tham gia b phí u trong các tr ng h p sau ây:
 - a. Thông qua các h p ng quy nh t i kho n 2 i u này khi c ông ó ho c ng i có liên quan t i c ông ó là m t bên c a h p ng;
 - b. Vi c mua l i c ph n c a c ông ó ho c c a ng i có liên quan t i c ông ó tr tr ng h p vi c mua l i c ph n c th c hi n t ng ng v i t l s h u c a t t c các c ông ho c vi c mua l i c th c hi n thông qua giao d ch kh p l nh trên S giao d ch ch ng khoán ho c chào mua công khai theo quy nh c a pháp lu t.
4. T t c các ngh quy t và các v n ã c a vào ch ng trình h p ph i c a ra th o lu n và bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ông.

i u 16. y quy n tham d h p i h i ng c ông

1. Các c ông có quy n tham d cu c h p i h i ng c ông theo quy nh c a pháp lu t có th y quy n cho cá nhân, t ch c i di n tham d . Tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo y quy n thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c y quy n cho m i ng i i di n.

2. Vì c y quy n cho ng i i di n đ h p i h i ng c ông ph i l p thành v n b n theo m u c a Công ty và ph i có ch ký theo quy nh sau ây:

- Tr ng h p c ông cá nhân là ng i y quy n thì gi y y quy n ph i có thông tin và ch ký c a c ông ó và cá nhân, ng i i di n theo pháp lu t c a t ch c c y quy n đ h p;
- Tr ng h p c ông t ch c là ng i y quy n thì gi y y quy n ph i có thông tin và ch ký c a ng i i di n theo y quy n, ng i i di n theo pháp lu t c a c ông t ch c và cá nhân, ng i i di n theo pháp lu t c a t ch c c y quy n đ h p;
- Trong tr ng h p khác thì gi y y quy n ph i có ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c y quy n đ h p.

Ng i c y quy n đ h p i h i ng c ông ph i n p v n b n y quy n khi ng ký d h p tr c khi vào phòng h p.

3. Tr ng h p lu t s thay m t cho ng i y quy n ký gi y ch nh ng i i di n, vì c ch nh ng i i di n trong tr ng h p này ch c coi là có hi u l c n u gi y ch nh ng i i di n ó c xu t trình cùng v i gi y y quy n cho lu t s (n u tr c ó ch a ng ký v i Công ty).

4. Tr tr ng h p quy nh t i kho n 3 i u này, phi u bi u quy t c a ng i c y quy n đ h p trong ph m vi c y quy n v n có hi u l c khi x y ra m t trong các tr ng h p sau ây:

- Ng i y quy n ã ch t, b h n ch n ng l c hành vi dân s ho c b m t n ng l c hành vi dân s ;
- Ng i y quy n ã h y b vì c ch nh y quy n;
- Ng i y quy n ã h y b th m quy n c a ng i th c hi n vì c y quy n.

i u kho n này không áp d ng trong tr ng h p Công ty nh n c thông báo v m t trong các s ki n trên tr c gi khai m c cu c h p i h i ng c ông ho c tr c khi cu c h p c tri u t p l i.

i u 17. Thay i các quy n

1. Vì c thay i ho c h y b các quy n c bi t g n l i n v i m t lo i c ph n u ã có hi u l c khi c c ông n m gi ít nh t 65% c ph n ph thông tham d h p thông qua ng th i c c ông n m gi ít nh t 65% quy n bi u quy t c a lo i c ph n u ã nêu trên bi u quy t thông qua. Vì c t ch c cu c h p c a các c ông n m gi m t lo i c ph n u ã thông qua vì c thay i quy n nêu trên ch có giá tr khi có t i thi u hai (02) c ông (ho c i di n c y quy n c a h) và n m gi t i thi u 75% giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ã phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì cu c h p c t ch c l i trong vòng ba m i (30) ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c t i p ho c thông qua i di n c y quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p c a c ông n m gi c ph n u ã nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c t i p ho c qua ng i i di n có th yêu c u b phi u kín. M i c ph n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang b ng nhau t i các cu c h p nêu trên.

2. Th t c t i n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 19 và i u 21 i u l này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành có phần quy định khác, các quy định bắt buộc liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không thay đổi khi Công ty phát hành thêm các chứng khoán cùng loại.

Điều 18. Trình tự phát hành, chương trình mua và thông báo mua trái phiếu công

1. Hội đồng quản trị tự quyết định việc công bố các điều kiện mua trái phiếu theo các quy định hiện hành có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

2. Nội dung trình tự phát hành trái phiếu công bố phải bao gồm các nội dung sau đây:

- Chuẩn bị danh sách công bố điều kiện mua và biểu quyết mua trái phiếu công bố. Danh sách công bố có quy định hạn mức mua trái phiếu công bố không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mua trái phiếu công bố;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung mua;
- Chuẩn bị tài liệu cho mua;
- Thông qua quy định việc mua trái phiếu công bố theo nội dung đề nghị của hội đồng;
- Xác định thời gian và địa điểm mua;
- Thông báo và gửi thông báo mua trái phiếu công bố cho tất cả các công bố có quy định mua;
- Các nội dung khác phù hợp.

3. Thông báo mua trái phiếu công bố gửi cho tất cả các công bố bằng văn bản hoặc công bố trên trang thông tin internet của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc ký giao dịch). Nội dung trình tự phát hành trái phiếu công bố phải gửi thông báo mua trái phiếu công bố trong Danh sách công bố có quy định mua chứng khoán (21) ngày trước ngày khai mua chứng khoán trái phiếu công bố (tính từ ngày mà thông báo gửi hoặc chuyển đi bằng phương tiện bưu chính hoặc công bố vào hồ sơ). Chương trình mua trái phiếu công bố, các tài liệu liên quan đến các vấn đề bắt buộc quy định mua trái phiếu công bố gửi cho các công bố và đăng trên trang thông tin internet của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không gửi kèm thông báo mua trái phiếu công bố, thông báo mua trái phiếu phải nêu rõ nội dung toàn bộ tài liệu mua các công bố có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình mua, các tài liệu sử dụng trong mua;
- Danh sách và thông tin chi tiết về các thành viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu phiếu đi kèm theo quy định mua;
- Thông qua quy định về việc mua trong chương trình mua.

4. Công bố hoặc nhóm công bố theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền ký nhận vào và vào chương trình mua trái phiếu công bố. Khi nhận phiếu đăng ký mua và phiếu gửi Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mua chứng khoán trái phiếu công bố. Khi nhận phiếu đăng ký mua và tên công bố, địa chỉ công bố, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với công bố là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quy định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với công bố là tổ chức; số lượng và loại chứng khoán ó định mua, và nội dung ký nhận vào chương trình mua.

5. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i ki n ngh quy nh t i kho n 4 i u này n u thu c m t trong các tr ng h p sau:

- Ki n ngh c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;
- Vào th i i m ki n ngh , c ông ho c nhóm c ông không n m gi t 5% c ph n ph thông tr lên theo quy nh t i kho n 3 i u 12 i u l này;
- V n ki n ngh không thu c ph m vi th m quy n quy t nh c a i h i ng c ông;
- Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

i u 19. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông

- Cu c h p i h i ng c ông c t i n hành khi có s c ông d h p i di n cho ít nh t (50%) t ng s c ph n có quy n bi u quy t.
- Tr ng h p không có s l ng i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m xác nh khai m c i h i, ng i tri u t p h p h y cu c h p. Cu c h p i h i ng c ông ph i c tri u t p l i trong vòng ba m i (30) ngày k t ngày d nh t ch c h p i h i ng c ông l n th nh t. Cu c h p i h i ng c ông tri u t p l n th hai ch c t i n hành khi có s c ông d h p i di n ít nh t 33% t ng s c ph n có quy n bi u quy t.
- Tr ng h p i h i l n th hai không c t i n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, cu c h p i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i (20) ngày k t ngày d nh t i n hành i h i l n hai. Trong tr ng h p này, i h i c t i n hành không ph thu c vào t ng s phi u có quy n bi u quy t c a các c ông d h p, c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n d ki n c phê chu n t i cu c h p i h i ng c ông l n th nh t.

i u 20. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ông

- Tr c khi khai m c cu c h p, Công ty ph i t i n hành th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n d h p có m t ng ký h t.
- Khi t i n hành ng ký c ông, Công ty c p cho t ng c ông ho c i di n c y quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó ghi s ng ký, h và tên c a c ông, h và tên i di n c y quy n và s phi u bi u quy t c a c ông ó. Khi t i n hành bi u quy t t i i h i, s th tán thành ngh quy t c thu tr c, s th ph n i ngh quy t c thu sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u tán thành, ph n i, b phi u tr ng ho c không h p l theo t ng v n c Ch t a thông báo ngay sau khi t i n hành bi u quy t v n ó. i h i b u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u theo ngh c a Ch t a. S thành viên c a ban ki m phi u do i h i ng c ông quy t nh c n c ngh c a Ch t a cu c h p.
- C ông ho c i di n c y quy n n sau khi cu c h p ã khai m c có quy n ng ký ngay và sau ó có quy n tham gia và bi u quy t t i i h i ngay sau khi ng ký. Ch t a không có trách nhi m d ng i h i cho c ông n mu n ng ký và hi u l c c a nh ng n i dung ã c bi u quy t tr c ó không thay i.
- Ch t ch H i ng qu n tr làm ch t a các cu c h p do H i ng qu n tr tri u t p. Tr ng h p Ch t ch v ng m t ho c t m th i m t kh n ng làm vi c thì các thành viên H i ng qu n tr còn l i b u m t ng i trong s h làm ch t a cu c h p theo nguyên t c a s . Trong các tr ng

h p khác, ng i ký tên tri u t p h p i h i ng c ông i u khi n cu c h p i h i ng c ông b u ch t a cu c h p và ng i có s phi u b u cao nh t c c làm ch t a cu c h p.

5. Ch ng trình và n i dung cu c h p ph i c i h i ng c ông thông qua trong phiên khai m c. Ch ng trình ph i xác nh rõ và chi ti t th i gian i v i t ng v n trong n i dung ch ng trình h p.

6. Ch t a i h i có th ti n hành các ho t ng c n thi t i u khi n cu c h p i h i ng c ông m t cách h p l , có tr t t , theo ch ng trình ã c thông qua và ph n ánh c mong mu n c a a s i bi u tham d .

7. Ch t a i h i có th hoãn i h i khi có s nh t trí ho c yêu c u c a i h i ng c ông ã có s l ng i bi u d h p c n thi t theo quy nh t i Lu t doanh nghi p.

8. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n yêu c u các c ông ho c i di n c y quy n tham d h p i h i ng c ông ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh h p pháp, h p lý khác. Tr ng h p có c ông ho c i di n c y quy n không tuân th nh ng quy nh v ki m tra ho c các bi n pháp an ninh nêu trên, ng i tri u t p h p i h i ng c ông sau khi xem xét m t cách c n tr ng có quy n t ch i ho c tr c xu t c ông ho c i di n nêu trên ra kh i i h i.

9. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông, sau khi ã xem xét m t cách c n tr ng, có th ti n hành các bi n pháp thích h p :

a. B trí ch ng i t i a i m h p i h i ng c ông;

b. B o m an toàn cho m i ng i có m t t i các a i m h p;

c. T o i u ki n cho c ông tham d (ho c t i p t c tham d) i h i. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có toàn quy n thay i nh ng bi n pháp nêu trên và áp d ng t t c các bi n pháp c n thi t. Các bi n pháp áp d ng có th là c p gi y vào c a ho c s d ng nh ng hình th c l a ch n khác.

10. Trong tr ng h p cu c h p i h i ng c ông áp d ng các bi n pháp nêu trên, ng i tri u t p h p i h i ng c ông khi xác nh a i m i h i có th :

a. Thông báo i h i c ti n hành t i a i m ghi trong thông báo và ch t a i h i có m t t i ó (“ a i m chính c a i h i”);

b. B trí, t ch c nh ng c ông ho c i di n c y quy n không d h p c theo i u kho n này ho c nh ng ng i mu n tham gia a i m khác v i a i m chính c a i h i có th ng th i tham d i h i;

Thông báo v v i c t ch c i h i không c n nêu chi ti t nh ng bi n pháp t ch c theo i u kho n này.

11. Tr ng h p Công ty áp d ng công ngh hi n i t ch c i h i ng c ông thông qua h p tr c tuy n, Công ty có trách nhi m m b o c ông tham d , bi u quy t b ng hình th c b phi u i n t ho c hình th c i n t khác theo quy nh t i i u 144 Lu t Doanh nghi p và kho n 3 i u 273 Ngh nh s 155/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán.

Điểm 21. Thông qua quy định của Hội đồng

1. Nghị quyết nội dung sau đây được thông qua nếu được Hội đồng cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Hội đồng thành viên và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại bỏ phần vật chất của phần tài sản;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cấu trúc quản lý Công ty;
 - d) Dự án mua hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp biểu quyết công ty quy định loại khác;
 - e) Thay đổi loại, giá trị Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được Hội đồng cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Hội đồng thành viên và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết của Hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình bày, thông qua tại họp và thông qua nghị quyết có văn bản quy định của Luật Doanh nghiệp và biểu quyết công ty.

Điểm 22. Thông qua và thông qua nghị quyết của Hội đồng

Thông qua và thông qua nghị quyết của Hội đồng cổ đông được thông qua quy định của Hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền cho Hội đồng cổ đông thông qua quy định của Hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chú ý đến lợi ích của Hội đồng cổ đông và các tài liệu ghi trình bày thông qua quy định. Hội đồng quản trị phải thông báo, công bố tài liệu cho các Hội đồng trong một thời gian hợp lý xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày họp của Hội đồng cổ đông. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu ủy quyền và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều này.
3. Phiếu ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích ủy quyền;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ nhân dân công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quy định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cá nhân là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ nhân dân công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân theo quy định của cá nhân là tổ chức; số lượng phần tài sản và số phiếu biểu quyết của cá nhân;
 - d. Văn bản ủy quyền được thông qua quy định;
 - e. Phạm vi biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến về nội dung văn bản ủy quyền;
 - f. Thời hạn ghi vào Công ty phiếu ủy quyền để thực hiện;

g. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr .

4. Phi u l y ý ki n ã c tr l i ph i có ch ký c a c ông là cá nhân, ho c ng i i di n theo pháp lu t c a c ông là t ch c ho c cá nhân, ng i i di n theo pháp lu t c a t ch c c y quy n.

5. Phi u l y ý ki n có th c g i v Công ty theo các hình th c sau:

a. G i th : Phi u l y ý ki n g i v Công ty ph i c ng trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi ki m phi u;

b. G i fax ho c th i n t : Phi u l y ý ki n g i v Công ty qua fax ho c th i n t ph i c gi bí m t n th i i m ki m phi u.

Các phi u l y ý ki n Công ty nh n c sau th i h n ã xác nh t i n i dung phi u l y ý ki n ho c ã b m trong tr ng h p g i th ho c c công b tr c th i i m ki m phi u trong tr ng h p g i fax, th i n t là không h p l . Phi u l y ý ki n không c g i v c coi là phi u không tham gia bi u quy t.

6. H i ng qu n tr ki m phi u và l p biên b n ki m phi u d i s ch ng ki n c a Ban ki m soát ho c c a c ông không ph i là ng i i u hành doanh nghi p. Biên b n ki m phi u ph i có các n i dung ch y u sau ây:

a. Tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p;

b. M c ích và các v n c n l y ý ki n thông qua ngh quy t;

c. S c ông v i t ng s phi u bi u quy t ã tham gia bi u quy t, trong ó phân bi t s phi u bi u quy t h p l và s bi u quy t không h p l và ph ng th c g i phi u bi u quy t, kèm theo ph l c danh sách c ông tham gia bi u quy t;

d. T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n ;

e. Các v n ã c thông qua;

f. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty, ng i ki m phi u và ng i giám sát ki m phi u.

Các thành viên H i ng qu n tr , ng i ki m phi u và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

7. Biên b n ki m phi u ph i c g i n các c ông trong vòng m i l m (15) ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u. Tr ng h p Công ty có trang thông tin i n t , vi c g i biên b n ki m phi u có th thay th b ng vi c ng t i trên trang thông tin i n t c a Công ty trong vòng hai m i t (24) gi , k t th i i m k t thúc ki m phi u.

8. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

9. Ngh quy t c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n ph i c s c ông i di n ít nh t (50%) t ng s c ph n có quy n bi u quy t ch p thu n và có giá tr nh ngh quy t c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

Điều 23. Nội dung, Hình thức và Hình thức

1. Công ty phải lập biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức khác. Biên bản phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, có thể lập thêm bản tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ, số chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp;
- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên, chức vụ và chữ ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu của người tham dự trong chương trình họp;
- Số công và tổng số phiếu bầu quy tắc của công đồng, phần danh sách người ký công đồng, nội dung công đồng và số phiếu bầu quy tắc;
- Tổng số phiếu bầu quy tắc và tổng số phiếu bầu quy tắc, trong đó ghi rõ phần tổng số phiếu bầu quy tắc, tổng số phiếu bầu quy tắc, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tổng số phiếu bầu quy tắc của công đồng;
- Các vấn đề đã thông qua và tổng số phiếu bầu quy tắc thông qua;
- Chữ ký của chủ tịch và thư ký. Trường hợp chủ tịch, thư ký không ký biên bản thì biên bản này có hiệu lực nếu có ít nhất hai thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự ký và có nội dung theo quy định của pháp luật. Biên bản phải ghi rõ vị trí của chủ tịch, thư ký không ký biên bản.

Biên bản của người đại diện theo pháp luật của Công ty và người đại diện theo pháp luật của Công ty có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tịch và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp phải lập công khai công bố trên trang thông tin internet của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc ghi cho tất cả các công đồng trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp phải lập công khai công bố coi là bằng chứng xác thực về nội dung công đồng vì các tài liệu hành chính của công đồng phải lập xong và thông qua trước khi có ý kiến phản đối nội dung biên bản của cơ quan theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi ghi biên bản.

5. Biên bản họp phải lập công khai công bố, phần danh sách công đồng ký dự họp, và bản này quy định tham dự họp và tài liệu có liên quan phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu về quy định của Hội đồng

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp phải lập công khai công bố hoặc biên bản kết quả kiểm tra nội dung của công đồng và bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, công đồng hoặc nhóm công đồng quy định của pháp luật 3 điều 12 điều này có quy định yêu cầu Tòa án hoặc Trung tài xem xét, hủy bỏ quy định của Hội đồng trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp họp công bố và ra quyết định của Hội đồng không thể hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều này.

2. Nội dung quy định về phạm vi pháp luật của Điều này.

Trường hợp quy định của Hội đồng công bố theo quy định của Tòa án hoặc Trường tài, người triệu tập họp Hội đồng công bố có thể xem xét thực tiễn của pháp lý Hội đồng trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều này.

CHƯƠNG VII. HƯỚNG DẪN QUẢN TRỊ

Điều 25. Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định các thành viên, thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị của vào tài liệu họp Hội đồng và công bố tại thời điểm (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Hội đồng trên trang thông tin internet của Công ty công bố có thể tìm hiểu về các thành viên này trước khi bỏ phiếu. Thành viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân công bố và phải cam kết thể hiện nghiêm minh về mặt cách trung thực và trung thực làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị công bố bao gồm các nội dung tại thời điểm sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà thành viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá và đóng góp của thành viên cho Công ty, trong trường hợp thành viên có hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan đến Công ty (nếu có);
- Họ, tên của các công ty hoặc nhóm công ty mà thành viên có (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Các công ty nắm giữ cổ phần phải thông báo trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quy định về quy định về quy định của các thành viên Hội đồng quản trị. Công ty hoặc nhóm công ty nắm giữ từ 5% đến 10% tổng số cổ phần có quy định về quy định của các thành viên (01) thành viên; từ 10% đến 30% các cổ đông hai (02) thành viên; từ 30% đến 40% các cổ đông ba (03) thành viên; từ 40% đến 50% các cổ đông bốn (04) thành viên; từ 50% đến 60% các cổ đông năm (05) thành viên; từ 60% đến 70% các cổ đông sáu (06) thành viên; từ 70% đến 80% các cổ đông bảy (07) thành viên; và từ 80% đến 90% các cổ đông tám (08) thành viên.

3. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị thông qua và công bố không số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thêm thành viên hoặc thực hiện theo các điều của Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị có thể mời thêm thành viên Hội

ng qu n tr ph i c công b r r ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi ti n hành c theo quy nh pháp lu t.

i u 26. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr

1. S l ng thành viên H i ng qu n tr ít nh t là ba (03) ng i và nhi u nh t là m i m t (11) ng i. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá n m (05) n m và có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch .

2. C c u thành viên H i ng qu n tr nh sau:

T ng s thành viên c l p H i ng qu n tr ph i chi m ít nh t m t ph n ba (1/3) t ng s thành viên H i ng qu n tr . S l ng t i thi u thành viên H i ng Qu n tr c xác nh theo ph ng th c làm tròn xu ng. Thành viên H i ng Qu n tr không nh t thi t ph i là C ông c a Công ty và/ho c không c trú t i Vi t Nam.

3. Thành viên H i ng qu n tr không còn t cách thành viên H i ng qu n tr trong các tr ng h p sau:

- Không t cách làm thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t doanh nghi p ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên H i ng qu n tr ;
- Có n t ch c;
- B r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;
- Không tham d các cu c h p c a H i ng qu n tr trong vòng sáu (06) tháng liên t c, tr tr ng h p b t kh kháng;
- Theo quy t nh c a i h i ng c ông;
- Cung c p thông tin cá nhân sai khi g i cho Công ty v i t cách là ng viên H i ng qu n tr ;
- Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

4. V i c b nhi m thành viên H i ng qu n tr ph i c công b thông tin theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

i u 27. Quy n h n và ngh a v c a H i ng qu n tr

1. Ho t ng kinh doanh và các công vi c c a Công ty ph i ch u s giám sát và ch o c a H i ng qu n tr . H i ng qu n tr là c quan có y quy n h n th c hi n các quy n và ngh a v c a Công ty không thu c th m quy n c a i h i ng c ông.

2. Quy n và ngh a v c a H i ng qu n tr do lu t pháp, i u l công ty và i h i ng c ông quy nh. C th , H i ng qu n tr có nh ng quy n h n và ngh a v sau:

- Quy t nh chi n l c, k ho ch phát tri n trung h n và k ho ch kinh doanh hàng n m c a Công ty;
- Xác nh các m c tiêu ho t ng trên c s các m c tiêu chi n l c c i h i ng c ông thông qua;
- B nhi m và mi n nhi m, ký h p ng, ch m d t h p ng i v i T ng giám c, ng i i u hành khác và quy t nh m c l ng c a h ;
- Giám sát, ch o T ng giám c và ng i i u hành khác;
- G i i quy t các khi u n i c a Công ty i v i ng i i u hành doanh nghi p c ng nh quy t nh l a ch n i di n c a Công ty g i i quy t các v n liên quan t i các th t c pháp lý i v i ng i i u hành ó;

- f. Quy tnh c c ut ch c c a Công ty, vi c thành l p công ty con, l p chi nhánh, v n phòng i di n và vi c góp v n, mua c ph n c a doanh nghi p khác;
 - g. xu t vi c t ch c l i ho c gi i th Công ty;
 - h. Quy tnh quy ch n i b v qu n tr công ty sau khi c i h i ng c ông ch p thu n thông qua hi u qu b o v c ông ;
 - i. Duy t ch ng trình, n i dung tài li u ph c v h p i h i ng c ông, tri ut p h p i h i ng c ông ho c l y ý ki n i h i ng c ông thông qua quy tnh;
 - j. xu t m c c t c hàng n m; quy tnh th i h n và th t c tr c t c;
 - k. xu t các lo i c ph n phát hành và t ng s c ph n phát hành theo t ng lo i;
 - l. xu t vi c phát hành trái phi u chuy n i và trái phi u kèm ch ng quy n;
 - m. Quy tnh giá chào bán c phi u, trái phi u trong tr ng h p c i h i ng c ông y quy n;
 - n. Trình báo cáo tài chính n m ã c ki m toán, báo cáo qu n tr công ty lên i h i ng c ông;
 - o. Báo cáo i h i ng c ông vi c H i ng qu n tr b nhi m T ng giám c;
 - p. Các quy n và ngh a v khác (n u có).
3. Nh ng v n sau ây ph i c H i ng qu n tr phê chu n:
- a. Thành l p các chi nhánh ho c v n phòng i di n c a Công ty;
 - b. Thành l p các công ty con c a Công ty;
 - c. Trong ph m vi quy nh t i kho n 2 i u 153 Lu t doanh nghi p và tr tr ng h p quy nh t i kho n 2 i u 138 và kho n 1, kho n 3 i u 167 Lu t doanh nghi p ph i do i h i ng c ông phê chu n, H i ng qu n tr quy tnh vi c th c hi n, s a i và h y b các h p ng c a Công ty;
 - d. Ch nh và bãi nhi m nh ng ng i c Công ty y nhi m là i di n th ng m i và Lu t s c a Công ty;
 - e. Vi c vay n và vi c th c hi n các kho n th ch p, b o m, b o lãnh và b i th ng c a Công ty;
 - g. Vi c mua ho c bán c ph n, ph n v n góp t i các công ty khác c thành l p Vi t Nam hay n c ngoài;
 - h. Vi c nh giá tài s n góp vào Công ty không ph i b ng ti n trong t phát hành c phi u ho c trái phi u c a Công ty, bao g m vàng, quy n s d ng t, quy n s h u trí tu , công ngh và bí quy t công ngh ;
 - i. Vi c mua l i ho c thu h i không quá 10% t ng s c ph n c a t ng lo i ã c chào bán trong m i hai (12) tháng;
 - j. Quy tnh giá mua l i ho c thu h i c ph n c a Công ty;
 - k. Các v n kinh doanh ho c giao d ch mà H i ng quy tnh c n ph i có s ch p thu n trong ph m vi quy nh n và trách nhi m c a mình.
4. H i ng qu n tr ph i báo cáo i h i ng c ông v ho t ng c a mình, c th là vi c giám sát c a H i ng qu n tr i v i T ng giám c và ng i i u hành khác trong n m tài chính. Tr ng h p H i ng qu n tr không trình báo cáo lên i h i ng c ông, báo cáo tài chính n m c a Công ty b coi là không có giá tr và ch a c H i ng qu n tr thông qua.

5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Hội đồng Công vụ kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số của Luật Công ty.

Điều 28. Thù lao, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các giám đốc chuyên môn) nhận thù lao cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Hội đồng Công vụ quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyên mua cổ phần và các lợi ích khác của công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là giám đốc nhân viên góp phần công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi nhận thành mức riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được vì lợi ích hành động thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tổ chức ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng mức tiền công trả gói theo từng lần, lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí liên quan, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp Hội đồng Công vụ, Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chức năng Hội đồng quản trị

1. Hội đồng Công vụ hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị Ủy ban Chức năng. Chức năng Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.

2. Quy định và nhiệm vụ của Chức năng Hội đồng Quản trị:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chịu trách nhiệm chủ trì chương trình, tài liệu, tri thức và chất lượng họp Hội đồng quản trị; chất lượng họp Hội đồng Công vụ;
- c. Chức năng Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các công ty con họp Hội đồng Công vụ.
- d. Ký các Nghị Quyết/Quy định của Hội đồng quản trị thay mặt các thành viên Hội đồng quản trị.
- e. Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các quy định của Hội đồng quản trị.
- f. Kiến nghị lên Hội đồng quản trị về bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt Hội đồng Quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.
- g. Ký kết các hợp đồng tài chính và thanh toán.

h. Các quy n và ngh a v khác quy nh t i Lu t doanh nghi p và i u l này.

3. Trong tr ng h p Ch t ch ã thông báo cho H i ng qu n tr r ng mình v ng m t ho c ph i v ng m t vì nh ng lý do b t kh kháng ho c m t kh n ng th c hi n nhi m v c a mình thì thành viên H i ng qu n tr c y quy n s th c hi n các quy n và nhi m v c a Ch t ch H i ng qu n tr . Trong tr ng h p không có ng i c y quy n, H i ng qu n tr có th b u m t ng i khác trong s h th c hi n nhi m v c a Ch t ch theo nguyên t c a s thành viên còn l i tán thành cho n khi có quy t nh m i c a H i ng qu n tr .

4. Ch t ch H i ng qu n tr có th b bãi mi n theo quy t nh c a H i ng qu n tr . Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr t ch c ho c b bãi mi n, H i ng qu n tr ph i b u ng i thay th trong th i h n m i (10) ngày.

i u 30. Cu c h p c a H i ng qu n tr

1. Tr ng h p H i ng qu n tr b u Ch t ch thì Ch t ch H i ng qu n tr s c b u trong cu c h p u tiên c a nhi m k H i ng qu n tr trong th i h n b y (07) ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t ho c t l phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t (01) thành viên có s phi u b u cao nh t ho c t l phi u b u cao nh t thì các thành viên b u theo nguyên t c a s ch n m t (01) ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr .

2. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p các cu c h p H i ng qu n tr nh k và b t th ng, l p ch ng trình ngh s , th i gian và a i m h p ít nh t n m (05) ngày làm vi ctr c ngày h p. Ch t ch có th tri u t p h p khi xét th y c n thi t, nh ng m i quý ph i h p ít nh t m t (01) l n.

3. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr , không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi m t trong s các i t ng đ i ây ngh b ng v n b n nêu rõ m c ích cu c h p, v n c n th o l u n:

- a. T ng giám c ho c ít nh t n m (05) ng i i u hành khác;
- b. Thành viên c l p H i ng qu n tr ;
- c. Ít nh t hai (02) thành viên H i ng qu n tr ;
- d. Theo yêu c u c a ki m toán c l p bàn v báo cáo ki m toán và tình hình công ty
- e. Các tr ng h p khác (n u có)

4. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr trong th i h n b y (07) ngày làm vi c, k t ngày nh n c ngh nêu t i kho n 3 i u này. Tr ng h p không tri u t p h p theo ngh thì Ch t ch H i ng qu n tr ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i x y ra i v i Công ty; nh ng ng i ngh t ch c h p c nêu t i kho n 3 i u 30 có quy n tri u t p h p H i ng qu n tr .

5. Cu c h p H i ng qu n tr c ti n hành t i tr s chính c a Công ty ho c t i a i m khác . V i t Nam ho c n c ngoài theo quy t nh c a Ch t ch H i ng qu n tr và c s nh t trí c a H i ng qu n tr .

6. Thông báo h p H i ng qu n tr ph i c g i cho các thành viên H i ng qu n tr ít nh t n m (05) ngày làm vi c tr c ngày h p. Thành viên H i ng qu n tr có th t ch i thông báo m i h p b ng v n b n, v i c t ch i này có th c thay i ho c h y b b ng v n b n c a thành viên H i ng qu n tr ó. Thông báo h p H i ng qu n tr ph i c làm b ng v n b n

tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chặt chẽ công bố ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị không lợi ích trong việc quy định tiêu chuẩn và mức khoán 5% và 40% của năm này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng;

11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp không lợi ích trong việc giao dịch đã ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và bất kỳ bên thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này từ lúc chấp thuận của Hội đồng quản trị và vì ký kết hợp đồng giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không bất kỳ bên thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch ký kết với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan từ lúc chấp thuận của Hội đồng quản trị trước khi thành viên này bất kỳ bên thân mình có lợi ích hoặc có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Hội đồng quản trị thông qua các quy định và ra nghị quyết trên cơ sở của thành viên Hội đồng quản trị để phê duyệt thành lập và phân bổ ngân sách, phê duyệt quy định của Chế độ tài chính Hội đồng quản trị là phê duyệt quy định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bỏ phiếu công khai thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị có quy định về quy định. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua từ lúc chấp thuận.

14. Chế độ tài chính Hội đồng quản trị có trách nhiệm ghi biên bản họp Hội đồng quản trị từ các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã tiến hành trong cuộc họp từ khi có ý kiến phê duyệt nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ghi. Biên bản họp Hội đồng quản trị có lập biên bản ghi nội dung và có thể lập biên bản ghi Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiêu chuẩn thu của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu chuẩn thu của phòng trách vụ chính sách phát triển, nhân sự, kế toán, kỹ thuật, tài chính. Số lượng thành viên của tiêu chuẩn do Hội đồng quản trị quy định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên của lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không được hành động nhằm mục đích lợi ích cá nhân trong tiêu chuẩn và mặt trong số các thành viên này có thể làm Trưởng tiêu chuẩn theo quy định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu chuẩn phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu chuẩn chỉ có hiệu lực khi có các thành viên tham dự và phê duyệt quy định thông qua từ lúc chấp thuận của tiêu chuẩn là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu chuẩn thu của Hội đồng quản trị, hoặc của người có trách nhiệm thành viên tiêu chuẩn Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của công ty.

Điều 32. Nghĩa vụ trách nhiệm quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ có ít nhất một (01) người làm Nghĩa vụ trách nhiệm quản trị công ty hoặc trưởng quản trị công ty tiến hành mặt cách có hiệu lực. Nghĩa vụ trách nhiệm quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Trưởng Công ty theo quy định từ khoản 5 và 156 Luật doanh

nghi p. Nhiệm vụ của Người ph trách qu n tr công ty do Hội ng qu n tr quy t nh, t i a là n m (05) n m.

2. Người ph trách qu n tr công ty ph i áp ng các tiêu chu n sau:

- a. Có hi u bi t v pháp lu t;
- b. Không c ng th i làm vi c cho công ty kì m toán c l p ang th c hi n kì m toán các báo cáo tài chính c a Công ty;
- c. Các tiêu chu n khác theo quy nh c a pháp lu t, i u l này và quy t nh c a Hội ng qu n tr .

3. Hội ng qu n tr có th bãi nhi m Người ph trách qu n tr công ty khi c n nh ng không trái v i các quy nh pháp lu t hi n hành v lao ng. Hội ng qu n tr có th b nhi m Tr lý Người ph trách qu n tr công ty tùy t ng th i i m.

4. Người ph trách qu n tr công ty có các quy n và ngh a v sau:

- a. T v n Hội ng qu n tr trong vi c t ch c h p i h i ng c ông theo quy nh và các công vi c liên quan gi a Công ty và c ông;
- b. Chu n b các cu c h p Hội ng qu n tr và i h i ng c ông theo yêu c u c a Hội ng qu n tr ;
- c. T v n v th t c c a các cu c h p;
- d. Tham d các cu c h p;
- e. T v n th t c l p các ngh quy t c a Hội ng qu n tr phù h p v i quy nh c a pháp lu t;
- f. Cung c p các thông tin tài chính, b n sao biên b n h p Hội ng qu n tr và các thông tin khác cho thành viên c a Hội ng qu n tr ;
- g. Giám sát và báo cáo Hội ng qu n tr v ho t ng công b thông tin c a công ty.
- h. B o m t thông tin theo các quy nh c a pháp lu t và i u l công ty;
- i. Các quy n và ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.

CH NG VIII. T NG GIÁM C VÀ NG I I U HÀNH KHÁC

i u 33. T ch c b máy qu n lý

H th ng qu n lý c a Công ty ph i m b o b máy qu n lý ch u trách nhi m tr c Hội ng qu n tr và ch u s giám sát, ch o c a Hội ng qu n tr trong công vi c kinh doanh hàng ngày c a Công ty. Công ty có T ng giám c, các Phó t ng giám c, K toán tr ng và các ch c danh qu n lý khác do Hội ng qu n tr b nhi m. Vi c b nhi m mi n nhi m, bãi nhi m các ch c danh nêu trên ph i c thông qua b ng ngh quy t Hội ng qu n tr .

i u 34. Ng i i u hành doanh nghi p

1. Ng i i u hành bao g m T ng giám c, Phó T ng giám c, K toán tr ng. Theo ngh c a T ng giám c và c s ch p thu n c a Hội ng qu n tr , Công ty c tuy n d ng ng i i u hành khác v i s l ng và tiêu chu n phù h p v i c c u và quy ch qu n lý c a Công ty do Hội ng qu n tr quy nh. Ng i i u hành doanh nghi p ph i có trách nhi m m n cán h tr Công ty t c các m c tiêu ra trong ho t ng và t ch c.

2. Thù lao, ti n l ng, l i ích và các i u kho n khác trong h p ng lao ng i v i T ng giám c do Hội ng qu n tr quy t nh và h p ng v i nh ng ng i i u hành khác do Hội ng qu n tr quy t nh sau khi tham kh o ý ki n c a T ng giám c và c báo cáo t i H C th ng niên.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoc m t ng i khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tới Hội đồng công ty hàng năm, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo hàng năm của Công ty.

3. Tổng giám đốc có các quy định và nghĩa vụ sau:

b. Quy t nh các v n mà không c n ph i có quy t nh c a H i ng qu n tr , t ch c và i u hành ho t ng kinh doanh hàng ngày c a Công ty theo nh ng thông l qu n lý t nh t ;

d. xu t nh ng bi n pháp nâng cao ho t ng và qu n lý c a Công ty;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị quy định số lượng người lao động, vì có thể nhiều, nhiều hơn, nhiều hơn, nhiều hơn, nhiều hơn, nhiều hơn, và các điều kiện khác liên quan đến người lao động;

i. Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t, i u l này, các quy ch n i b c a Công ty, các ngh quy t c a H i ng qu n tr, h p ng lao ng ký v i Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trình Hội đồng quản trị và chỉ huy công việc thực hiện nhiệm vụ và quy định của giao và phê báo cáo các công việc này khi cần yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đã thành viên Hội đồng quản trị có quy định về quy định hợp tác thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

i u 36. ng c , c Ki m soát viên

1. Vì c ng c , c Kì m soát viên c th c hi n t ng t quy nh t i kho n 1, kho n 2 i u 25 i u l này.

2. Trường hợp số 1: Các thành viên Ban kiểm soát thông qua các và các không số 1 các nội dung, Ban kiểm soát không nhất thiết có thể thêm thành viên hoặc thay đổi theo các quy định nội bộ của công ty và Quy định nội bộ quản trị công ty. Các Ban kiểm soát không nhất thiết các thành viên Ban kiểm soát phải công bố rõ ràng và phải công bố nội dung thông qua trước khi tiến hành các.

Điểm 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty từ ba (03) đến năm (05) người. Nhiệm vụ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại nếu nhiệm kỳ không hết hạn. Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên thuộc ngành kế toán. Ví dụ: Nam.
2. Kiểm soát viên phải áp dụng các tiêu chuẩn và quy định về kế toán theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán để lập hoặc kiểm tra các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liên tiếp.
3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; vì công việc, nhiệm vụ, bất nhiệm theo nguyên tắc của pháp luật. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kế toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và Hội đồng công.
4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tính cách thành viên trong các nhiệm vụ sau:
 - a. Bất nhiệm theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Luật doanh nghiệp.
 - b. Bất nhiệm theo quy định tại Khoản 2 Điều 174 Luật doanh nghiệp;
 - c. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điểm 38. Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quy định, nghĩa vụ sau:
 - a. Xuất và kiểm tra nội dung nội dung phê chuẩn hoặc kiểm tra lập hoặc kiểm tra Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước công đồng và hội đồng giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phân phối lợi nhuận giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và công đồng;
 - d. Trưởng ban phải phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tình hình nội dung theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Hội đồng công đồng thông qua.

g. Có quy n yêu c u H i ng qu n tr , thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và ng i qu n lý khác cung c p y , chính xác, k p th i thông tin, tài li u v công tác qu n lý, i u hành và ho t ng kinh doanh c a Công ty.

h. Các quy n và ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

2. Ban ki m soát ph i h p t i thi u hai (02) l n m t n m và cu c h p c ti n hành khi có t hai ph n ba (2/3) s Ki m soát viên tr lên đ h p. Biên b n h p Ban ki m soát c l p chi ti t và rõ ràng. Ng i ghi biên b n và các thành viên Ban ki m soát tham đ h p ph i ký tên vào biên b n cu c h p. Các biên b n h p c a Ban ki m soát ph i c l u gi nh m xác nh trách nhi m c a t ng thành viên Ban ki m soát.

3. Thành viên Ban ki m soát c tr ti n l ng, thù lao, th ng và l i ích khác theo quy t nh c a i h i ng c ông. i h i ng c ông quy t nh t ng m c ti n l ng, thù lao, th ng, l i ích khác và ngân sách ho t ng h ng n m c a Ban ki m soát. Ki m soát viên c thanh toán các kho n chi phí n , i l i và các chi phí s đ ng đ ch v t v n c l p v i m c h p lí và không v t quá t ng ngân sách ho t ng hàng n m ã c i h i ng c ông thông qua, tr tr ng h p i h i ng c ông có quy t nh khác. Ti n l ng và chi phí ho t ng c tính vào chi phí kinh doanh c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t và ph i c l p thành m c báo cáo riêng trong báo cáo tài chính hàng n m c a Công ty.

CH NG X. TRÁCH NHI M C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , T NG GIÁM C VÀ NG I I U HÀNH KHÁC

i u 39. Trách nhi m c n tr ng

Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và ng i i u hành khác có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình, k c nh ng nhi m v v i t cách thành viên các ti u ban c a H i ng qu n tr , m t cách trung th c, c n tr ng vì l i ích c a Công ty.

i u 40. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i

1. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên các ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr , T ng giám c và ng i i u hành khác ph i công khai các l i ích có liên quan theo quy nh t i i u 164 Lu t doanh nghi p và các quy nh pháp lu t khác.

2. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và ng i i u hành khác không c phép s đ ng nh ng c h i kinh doanh có th mang l i l i ích cho Công ty vì m c ích cá nhân; ng th i không c s đ ng nh ng thông tin có c nh ch c v c a mình t l i cá nhân hay ph c v l i ích c a t ch c ho c cá nhân khác.

3. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và ng i i u hành khác có ngh a v thông báo cho H i ng qu n tr t t c các l i ích có th gây xung t v i l i ích c a Công ty mà h có th c h ng thông qua các pháp nhân kinh t , các giao đ ch ho c cá nhân khác.

4. Tr tr ng h p i h i ng c ông có quy t nh khác, Công ty không c c p các kho n vay ho c b o lãnh cho các thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c, ng i i u hành khác và các cá nhân, t ch c có liên quan t i các thành viên nêu trên ho c pháp nhân mà nh ng ng i này có các l i ích tài chính tr tr ng h p công ty i chúng và t ch c có liên quan t i thành viên này là các công ty trong cùng t p oàn ho c các công ty ho t ng theo nhóm công ty, bao g m công ty m - công ty con, t p oàn kinh t và pháp lu t chuyên ngành có quy nh khác.

5. Hợp đồng giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người đại diện khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan như hợp đồng công ty, ủy thác, hợp pháp, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người đại diện khác hoặc nhân viên liên quan như là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị thông qua với hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhân viên quản trị của hợp đồng giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người đại diện khác phải báo cáo với Hội đồng quản trị. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng giao dịch có một cách trung thành bằng sự phê duyệt thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Hội đồng quản trị thông qua với hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhân viên quản trị của hợp đồng giao dịch này cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người đại diện khác phải công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết và nhân viên công đồng sẽ thông qua hợp đồng giao dịch này;

c. Hợp đồng giao dịch có một tổ chức tự nguyện công bố và hợp lý xét trên mặt pháp lý liên quan đến các công của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này Hội đồng quản trị hoặc hội đồng quản trị thông qua.

d. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người đại diện khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không sử dụng các thông tin chưa được công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm và thẩm quyền

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người đại diện khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thành và trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vi phạm nghiêm trọng và nghiêm trọng chuyên môn phải chịu trách nhiệm và hình phạt do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bị kiện cho nhân viên, ông hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, kiện (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu ông hoặc ông là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người đại diện khác, nhân viên hoặc là người đi theo Công ty quy định hoặc ông hoặc ông làm theo yêu cầu của Công ty với cách thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc người đi theo quy định của Công ty với việc kiện ông hoặc ông hành động trung thực, trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác định ông hoặc ông vi phạm nghĩa vụ trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo quy định của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện khác, nhân viên hoặc người đi theo quy định

c a Công ty c Công ty b i th ng khi tr thành m t bên liên quan trong các v khi u n i, ki n, kh i t (tr các v ki n do Công ty là ng i kh i ki n) trong các tr ng h p sau:

a. ã hành ng trung th c, c n tr ng, m n cán vì l i ích và không mâu thu n v i l i ích c a Công ty;

b. Tuân th lu t pháp và không có b ng ch ng xác nh n ã không th c hi n trách nhi m c a mình.

4. Chi phí b i th ng bao g m các chi phí phát sinh (k c phí thuê lu t s), chi phí phán quy t, các kho n ti n ph t, các kho n ph i thanh toán phát sinh trong th c t ho c c coi là h p lý khi gi i quy t nh ng v vì c này trong khuôn kh lu t pháp cho phép. Công ty có th mua b o hi m cho nh ng ng i này tránh nh ng trách nhi m b i th ng nêu trên.

CH NG XI. QUY N I U TR A S SÁCH VÀ H S CÔNG TY

i u 42. Quy n i u tra s sách và h s

1. Công ho c nhóm c ông nêu t i kho n 2 i u 25 i u l này có quy n tr c ti p ho c qua ng i c y quy n g i v n b n yêu c u c ki m tra danh sách c ông, các biên b n h p i h i ng c ông và sao ch p ho c trích l c các tài li u này trong gi làm vi c và t i tr s chính c a Công ty. Yêu c u ki m tra do i di n c y quy n c a c ông ph i kèm theo gi y y quy n c a c ông mà ng i ó i di n ho c b n sao công ch ng c a gi y y quy n này.

2. Thành viên H i ng qu n tr , Ban Ki m soát, T ng giám c và ng i i u hành khác có quy n ki m tra s ng ký c ông c a Công ty, danh sách c ông và nh ng s sách và h s khác c a Công ty vì nh ng m c ích liên quan t i ch c v c a mình v i i u ki n các thông tin này ph i c b o m t.

3. Công ty ph i l u i u l này và nh ng b n s a i b sung i u l , Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, các quy ch , các tài li u ch ng minh quy n s h u tài s n, ngh quy t i h i ng c ông và H i ng qu n tr , biên b n h p i h i ng c ông và H i ng qu n tr , các báo cáo c a H i ng qu n tr , báo cáo tài chính n m, s sách k toán và các tài li u khác theo quy nh c a pháp lu t t i tr s chính ho c m t n i khác v i i u ki n là các c ông và C quan ng ký kinh doanh c thông báo v a i m l u tr các tài li u này.

4. i u l công ty ph i c công b trên trang thông tin i n t c a Công ty.

CH NG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

i u 43. Công nhân viên và các oàn th chính tr xã h i

1. T ch c ng C ng s n Vi t Nam trong Công ty ho t ng theo i u l c a ng C ng s n Vi t Nam phù h p v i Hi n pháp và pháp lu t Vi t Nam

2. Các t ch c chính tr , xã h i và oàn th trong Công ty ho t ng theo Hi n pháp, pháp lu t Vi t Nam và i u l Công ty.

3. T ng giám c ph i l p k ho ch H i ng qu n tr thông qua các v n liên quan n vì c tuy n d ng, cho ng i lao ng ngh vi c, ti n l ng, b o hi m xã h i, phúc l i, khen th ng và k lu t i v i ng i lao ng và ng i i u hành doanh nghi p.

4. T ng giám c ph i l p k ho ch H i ng qu n tr thông qua các v n liên quan n quan h c a Công ty v i các t ch c công oàn theo các chu n m c, thông l và chính sách qu n lý t t nh t, nh ng thông l và chính sách quy nh t i i u l này, các quy ch c a Công ty và quy nh pháp lu t hi n hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Hội đồng quản trị công ty quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm cho lợi nhuận của công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới mức phí ưu đãi.
3. Hội đồng quản trị có thể khuyến khích hội đồng quản trị thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quy định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới mức phí ưu đãi chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền của Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do công ty cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp mà công ty có không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho công ty này. Việc thanh toán cổ tức về việc các cổ phiếu ưu đãi và cổ tức S giao dịch chứng khoán có thể thực hiện hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
5. Các chủ sở hữu doanh nghiệp, chủ chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định mức ngày cổ tức chi trả danh sách công ty. Các cổ đông theo ngày đó, những người ký với tư cách công ty hoặc người sử dụng các chứng khoán khác có quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, những cổ phiếu, những thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận có thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN TRỊ, NẾM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tiền tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài có phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sơ đồ phụ thuộc của các quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc tiền tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Các Quyền trích lập

Hàng năm, Công ty sẽ trích lợi nhuận sau thuế của mình vào khoản vào Quỹ khen thưởng phúc lợi nếu không vượt quá 15% lợi nhuận sau thuế; Quỹ đầu tư phát triển không quá 5% lợi nhuận sau thuế.

Mức trích cổ tức hàng năm của Quỹ trên số do Hội đồng quản trị quyết định của năm vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Điều 47. NếM tài chính

NếM tài chính của Công ty bắt đầu ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng mười hai (12) năm tài chính đầu tiên bắt đầu ngày

c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p và k t thúc vào ngày th ba m i m t (31) c a tháng m i hai (12) ngay sau ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p ó.

i u 48. Ch k toán

1. Ch k toán Công ty s d ng là ch k toán doanh nghi p ho c ch k toán c thù c c quan có th m quy n ban hành, ch p thu n.
2. Công ty l p s sách k toán b ng tì ng Vi t và l u gi h s k toán theo quy nh pháp lu t v k toán và pháp lu t liên quan. Nh ng h s này ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.
3. Công ty s d ng n v tì n t trong k toán là ng Vi t Nam. Tr ng h p Công ty có các nghi p v kinh t phát sinh ch y u b ng m t lo i ngo i t thì c t ch n ngo i t ó làm n v tì n t trong k toán, ch u trách nhi m v l a ch n ó tr c pháp lu t và thông báo cho c quan qu n lý thu tr c ti p.

CH NG XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN

i u 49. Báo cáo tài chính n m, bán niên và quý

1. Công ty ph i l p Báo cáo tài chính n m và báo cáo tài chính n m ph i c ki m toán theo quy nh c a pháp lu t. Công ty công b báo cáo tài chính n m ã c ki m toán theo quy nh c a pháp lu t v công b thông tin trên th tr ng ch ng khoán và n p cho c quan nhà n c có th m quy n.
2. Báo cáo tài chính n m ph i bao g m báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình v l i/l c a Công ty trong n m tài chính, báo cáo tình hình tài chính ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình ho t ng c a Công ty tính n th i i m l p báo cáo, báo cáo l u chuy n tì n t và thuy t minh báo cáo tài chính.
3. Công ty ph i l p và công b các báo cáo tài chính bán niên ã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy nh c a pháp lu t v công b thông tin trên th tr ng ch ng khoán và n p cho c quan nhà n c có th m quy n..
4. Các báo cáo tài chính n m c ki m toán (bao g m ý ki n c a ki m toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng c soát xét và báo cáo tài chính quý (i v i công ty niêm y t, công ty i chúng quy mô l n) c công b trên trang thông tin i n t c a Công ty.
5. Các t ch c, cá nhân quan tâm u c quy n ki m tra ho c sao ch p b n báo cáo tài chính n m c ki m toán, báo cáo sáu tháng c soát xét và báo cáo tài chính quý trong gi làm vi c t i tr s chính c a Công ty và ph i tr m c phí h p lý cho vi c sao ch p.

i u 50: Báo cáo th ng niên

Công ty ph i l p và công b báo cáo th ng niên theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

CH NG XVI. KI M TOÁN CÔNG TY

i u 51. Ki m toán

1. i h i ng c ông th ng niên ch nh m t công ty ki m toán c l p ho c thông qua danh sách các công ty ki m toán c l p và y quy n cho H i ng qu n tr quy t nh l a ch n m t trong s các n v này tì n hành ki m toán báo cáo tài chính c a Công ty cho n m tài chính tì p theo d a trên nh ng i u kho n và i u ki n th a thu n v i H i ng qu n tr .

2. Báo cáo kế toán tài chính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kế toán viên kế lập thể hiện vị trí kế toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp hội đồng và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp hội đồng mà các công ty quy định và được phát biểu ý kiến thì hội và các vấn đề có liên quan đến vị trí kế toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. DUYỆT A DOANH NGHIỆP

Điều 52. Duyệt a doanh nghiệp

1. Duyệt bao gồm duyệt làm việc của khách hàng hoặc duyệt hình thức chấp ký theo quy định của pháp luật giao dịch.
2. Hội đồng quản trị quy định loại, số, hình thức và nội dung duyệt của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) soạn và quản lý duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIỚI THIỆU CÔNG TY

Điều 53. Giới thiệu Công ty

1. Công ty có thể giới thiệu trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thể hiện hoạt động của Công ty, kể sau khi đã giải ngân (nếu có);
 - b. Giới thiệu trước thể hiện theo quy định của hội đồng;
 - c. Bỏ thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Vị trí giới thiệu Công ty trước thể hiện (kể trước thể hiện đã giải ngân) do hội đồng quy định, Hội đồng quản trị thể hiện. Quy định giới thiệu này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Giải ngân hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp hội đồng ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thể hiện hoạt động công có thể bị quy định vì giải ngân hoạt động của Công ty theo định của Hội đồng quản trị.
2. Thể hiện hoạt động của giải ngân thêm nữa công nhận giảm ít nhất 65% trên tổng phí của các công có quy định bị quy định có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định có mặt trực tiếp hội đồng thông qua.

Điều 55. Thanh lý

1. Từ thời điểm sáu (06) tháng trước khi kết thúc thể hiện hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quy định giới thiệu Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do hội đồng chọn và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chọn từ công ty kế toán kế lập. Ban thanh lý chịu trách nhiệm các quy định hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia kế lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý của Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kết thúc nhiệm vụ, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tài n thu c t vi c thanh lý c thanh toán theo th t sau:

- Các chi phí thanh lý;
- Các kho n n l ng, tr c p thôi vi c, b o hi m xã h i và các quy n l i khác c a ng i lao ng theo th a c lao ng t p th và h p ng lao ng ã ký k t;
- N thu ;
- Các kho n n khác c a Công ty;
- Ph n còn l i sau khi ã thanh toán t t c các kho n n t m c (a) n (d) trên ây c chia cho các c ông. Các c ph n u ã c u tiên thanh toán tr c.

CH NG XIX. GI I QUY T TRANH CH P N I B

i u 56. Gi i quy t tranh ch p n i b

1. Tr ng h p phát sinh tranh ch p, khi u n i liên quan t i ho t ng c a Công ty, quy n và ngh a v c a các c ông theo quy nh t i Lu t doanh nghi p, các quy nh pháp lu t khác, i u l công ty, các quy nh gi a:

- C ông v i Công ty;
- C ông v i H i ng qu n tr , T ng giám c hay ng i i u hành khác;

Các bên liên quan c g ng gi i quy t tranh ch p ó thông qua th ng l ng và hoà gi i. Tr tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr ho c Ch t ch H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng qu n tr ch trì vi c gi i quy t tranh ch p và yêu c u t ng bên trình bày các thông tin liên quan n tranh ch p trong vòng m i (10) ngày làm vi c k t ngày tranh ch p phát sinh. Tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr hay Ch t ch H i ng qu n tr , b t c bên nào c ng có th yêu c u, ch nh m t chuyên gia c l p làm trung gian hòa gi i cho quá trình gi i quy t tranh ch p.

2. Tr ng h p không t c quy t nh hoà gi i trong vòng sáu (06) tu n t khi b t u quá trình hoà gi i ho c n u quy t nh c a trung gian hoà gi i không c các bên ch p nh n, m t bên có th a tranh ch p ó ra Tr ng tài kinh t ho c Tòa án kinh t .

3. Các bên t ch u chi phí có liên quan t i th t c th ng l ng và hoà gi i. Vi c thanh toán các chi phí c a Tòa án c th c hi n theo phán quy t c a Tòa án.

CH NG XX. B SUNG VÀ S A I I U L

i u 57. i u l công ty

- Vi c s a i, b sung i u l này ph i c i h i ng c ông xem xét, quy t nh.
- Trong tr ng h p có nh ng quy nh c a pháp lu t có liên quan n ho t ng c a Công ty ch a c c p trong b n i u l này ho c trong tr ng h p có nh ng quy nh m i c a pháp lu t khác v i nh ng i u kho n trong i u l này thì nh ng quy nh c a pháp lu t ó ng nhiên c áp d ng và i u ch nh ho t ng c a Công ty.

CH NG XXI. NGÀY HI U L C

i u 58. Ngày hi u l c

1. B n i u l này g m hai m i m t (21) ch ng, n m m i tám (58) i u c i h i ng c ông Công ty c ph n Minh H ng Qu ng Tr nh t trí thông qua ngày 12 tháng 09 n m 2020 t i V n phòng Công ty Công ty C ph n Minh H ng Qu ng Tr và cùng ch p thu n hi u l c toàn v n c a i u l này.

2. i u l c l p thành n m (05) b n, có giá tr nh nhau, và c l u gi t i Công ty.

3. Điều này thay thế cho tất cả các điều đã được thông qua trước đó của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục điều công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGÀY ĐI N THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT**